

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06-27
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007. Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 323/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Tên giao dịch của Công ty: Saigon - Hanoi Securities joint Stock Company. Tên viết tắt: SHS

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Lê	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19/03/2010
Bà Đinh Thị Tiểu Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Công Sứ	Ủy viên	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Ông Phạm Ngọc Lâm	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/03/2010
Ông Trần Quốc Triệu	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19/03/2010
Ông Trần Quốc Triệu	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/03/2010
Ông Hoàng Đình Lợi	Phó Tổng giám đốc	
Ông Bùi Quang Bách	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21/04/2010
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Phó Tổng giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên
Ông Lương Đức Chính	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Bùi Thị Minh Tâm

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2010

Số:/2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 07 tháng 07 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

- *Dự phòng chứng khoán niêm yết:* Tại thời điểm 30/06/2010 giá thị trường các khoản đầu tư cổ phiếu niêm yết của Công ty như sau:

Giá trị danh mục chứng khoán tăng so với giá gốc là 28,2 tỷ đồng

Giá trị danh mục chứng khoán giảm so với giá gốc là 22,1 tỷ đồng

Chênh lệch tăng so với giá gốc là 6,1 tỷ đồng

Tại thời điểm 30/06/2010 công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với cổ phiếu niêm yết

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2010

Trần Quang Màu

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0668/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh		
			30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,408,642,694,924	598,985,786,867
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		384,749,251,496	103,805,089,379
111	1 Tiền	4	384,749,251,496	103,805,089,379
112	2 Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	429,378,189,300	86,699,342,849
121	1 Đầu tư ngắn hạn		430,295,839,057	103,388,455,195
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(917,649,757)	(16,689,112,346)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn	7	579,761,755,931	407,580,083,912
131	1 Phải thu của khách hàng		2,889,804,718	540,004,182
132	2 Trả trước cho người bán		6,603,383,701	1,034,241,700
133	3 Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	1,019,605,833	527,800,000
138	5 Các khoản phải thu khác	-	569,248,961,679	405,478,038,030
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	IV Hàng tồn kho	8	89,899,627	85,263,511
150	V Tài sản ngắn hạn khác		14,663,598,570	816,007,216
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		375,251,350	-
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		14,288,347,220	816,007,216
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		78,032,326,078	15,010,808,834
220	II Tài sản cố định		7,297,843,204	7,930,857,679
221	1 Tài sản cố định hữu hình	9	4,949,013,932	5,821,321,173
222	- Nguyên giá		9,935,560,517	9,416,855,764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4,986,546,585)	(3,595,534,591)
224	2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
227	3 Tài sản cố định vô hình	10	2,348,829,272	2,109,536,506
228	- Nguyên giá		4,986,996,571	3,984,746,053
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2,638,167,299)	(1,875,209,547)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	66,306,000,000	1,506,000,000
251	1 Đầu tư vào công ty con		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

252	2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
253	3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	66,900,000,000	2,100,000,000
258	4	Đầu tư dài hạn khác	-	-
259	5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-594,000,000	-594,000,000
260	V	Tài sản dài hạn khác	4,428,482,874	5,573,951,155
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	12	2,768,669,107
262	2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	-	-
263	3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	228,349,831
268	4	Tài sản dài hạn khác	1,431,463,936	1,431,463,936
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,486,675,021,002	613,996,595,701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh		
			30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		302,435,119,466	143,261,765,206
310	I Nợ ngắn hạn		302,150,355,719	143,099,810,890
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	14	-	70,000,000,000
312	2 Phải trả người bán		467,740,952	116,579,079
313	3 Người mua trả tiền trước		595,735,000	440,577,550
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	31,125,402,130	17,874,188,936
315	5 Phải trả người lao động		1,696,590,382	4,150,328,600
316	6 Chi phí phải trả	16	3,733,742,638	1,014,294,668
317	7 Phải trả nội bộ		-	-
320	8 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	1,029,383,600	536,626,469
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		127,664,000	15,050,000
322	10 Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,410,359,370	224,441,820
328	12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	261,963,737,647	48,727,723,768
329	13 Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II Nợ dài hạn		284,763,747	161,954,316
331	1 Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2 Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3 Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4 Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		151,319,316	161,954,316
337	7 Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8 Doanh thu chưa thực hiện		133,444,431	-
339	9 Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,184,239,901,536	470,734,830,495
410	I Vốn chủ sở hữu	19	1,184,239,901,536	470,734,830,495
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,000,000,000,000	410,629,960,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		108,232,552,000	1,800,040,000
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		5,356,947,980	1,122,209,102
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		-1,550,000,000	-1,550,000,000
415	5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		5,356,947,980	1,122,209,102
419	9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66,843,453,576	57,610,412,291

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,486,675,021,002	613,996,595,701
------------	----------------------------	--------------------------	------------------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
			VND	VND
001	1 Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
002	2 Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
003	3 Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5 Ngoại tệ các loại		-	-
006	6 Chứng khoán lưu ký		1,461,420,750,000	1,173,215,830,000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		818,756,840,000	544,654,290,000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		71,377,090,000	21,865,070,000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		747,379,750,000	522,789,220,000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
011	- Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác		-	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		618,059,730,000	505,045,030,000
013	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		-	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		618,059,730,000	505,045,030,000
015	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		-	-
016	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác		-	-
017	6.3 Chứng khoán cầm cố		-	4,400,000,000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		-	4,400,000,000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		-	-
020	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài		-	-
021	- Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác		-	-
022	6.4 Chứng khoán tạm giữ		-	-
023	- Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký		-	-
024	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước		-	-
025	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài		-	-
026	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác		-	-
027	6.5 Chứng khoán chờ thanh toán		16,782,300,000	119,116,510,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

028 - Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	1,180,000,000	772,700,000
---	---------------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	15,602,300,000	18,322,840,000
030	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
031	- Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	100,020,970,000
032	6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
033	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
034	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
035	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
036	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	-	-
037	6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	7,821,880,000	-
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	7,821,880,000	-
040	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
041	- Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	-	-
043	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	-	-
044	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	-	-
045	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	-	-
046	- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	-	-
048	6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	-
050	7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	6,386,850,000	5,571,930,000
051	7.1 Chứng khoán giao dịch	6,358,850,000	5,536,930,000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	6,358,850,000	5,536,930,000
054	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-
055	- Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
056	7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	-
057	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
059	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

060	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
061	7.3 Chứng khoán cầm cố	-	-
062	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu lý	-	-
063	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	-
064	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
065	- Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
066	7.4 Chứng khoán tạm giữ	-	-
067	- Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	-	-
068	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	-
069	- Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	-	-
070	- Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	-	-
071	7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	28,000,000	-
072	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	28,000,000	-
074	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
075	- Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
076	7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	-	-
077	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	-	-
078	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	-	-
079	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	-	-
080	- Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	-	-
081	7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	-	35,000,000
082	8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	19,005,170,000	19,689,370,000
083	9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	130,948,430,000	18,731,700,000
084	10 Chứng khoán nhận ủy thác đấu giá	-	-

Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 07 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2010	từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1 Doanh thu	20	128,079,996,027	63,207,917,398
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9,679,680,631	3,784,770,444
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		79,140,398,202	46,079,624,175
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		2,770,454,545	1,200,000,000
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		974,636,364	90,000,000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		235,731,609	169,561,458
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	1,849,909
01.8	Thu cho thuê sử dụng tài sản		-	-
01.9	Doanh thu khác		35,279,094,676	11,882,111,412
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		39,381,043	91,253,336
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		128,040,614,984	63,116,664,062
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	21	29,316,658,612	10,650,284,098
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		98,723,956,372	52,466,379,964
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	13,101,486,753	10,280,469,193
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		85,622,469,619	42,185,910,771
31	8 Thu nhập khác		1,650,303	930,560,577
32	9 Chi phí khác		20	54,833,142
40	10 Lợi nhuận khác		1,650,283	875,727,435
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		85,624,119,902	43,061,638,206
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	20,410,749,791	7,349,760,532
52	13 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		65,213,370,111	35,711,877,674
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1,062	998

Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2010	từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		85,624,119,902	43,061,638,206
	2 Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2,153,969,746	1,598,101,721
03	Các khoản dự phòng		(15,771,462,589)	611,174,255
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10,382,356,276)	(11,578,037,837)
06	Chi phí lãi vay		8,623,239,336	485,625,000
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		70,247,510,119	34,178,501,345
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(182,914,275,913)	(212,483,426,562)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(4,636,116)	14,041,160
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		212,296,140,119	57,867,969,713
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		791,791,750	360,807,760
13	Tiền lãi vay đã trả		(6,012,392,114)	(328,125,000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7,349,760,532)	(10,764,058,444)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(507,978,000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		86,546,399,313	(131,154,290,028)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1,520,955,271)	(1,013,123,419)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	14,000,000
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3,000,000,000)	(273,000,000,000)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			78,000,000,000
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,116,433,284,400)	(30,000,000,000)
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		727,725,900,538	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7,621,045,347	9,738,211,450
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(385,607,293,786)	(216,260,911,969)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		695,802,552,000	-
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1,550,000,000)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		425,124,980,610	322,000,000,000
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(495,124,980,610)	(92,000,000,000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2010	từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
35	5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(45,797,495,410)	(2,858,383,000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		580,005,056,590	225,591,617,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2010	từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		280,944,162,117	(121,823,584,997)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		103,805,089,379	278,578,507,715
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	384,749,251,496	156,754,922,718
			-	-

Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc
Lập, ngày 07 tháng 07 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/11/2007, Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 116/UBCK-GPĐC ngày 14 tháng 04 năm 2008 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy phép điều chỉnh số 181/UBCK-GP ngày 12/01/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Giấy phép điều chỉnh số 240/UBCK-GP ngày 05/06/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Quyết định sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 323/UBCK-GP ngày 18 tháng 05 năm 2010 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.

Tên giao dịch của Công ty: Saigon - Hanoi Securities joint Stock Company. Tên viết tắt: SHS

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh, Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng). Tương đương 100.000.000 cổ phần (Một trăm triệu cổ phần) , mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các chi nhánh như sau:

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Số 41 - 43 Pasteur - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Chi nhánh TP Đà Nẵng	Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Q. Hải Châu - TP Đà Nẵng

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 15.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Tài sản cố định khác	04 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kê từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010**3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM**

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
		(VND)
a) Cửa Công ty Chứng khoán	42,967,790	1,560,902,115,000
- Cổ phiếu	42,967,790	1,560,902,115,000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Cửa người đầu tư	145,978,577	4,598,526,167,300
- Cổ phiếu	145,978,577	4,598,526,167,300
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	188,946,367	6,159,428,282,300

4 . TIỀN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	153,010,657	543,798,397
Tiền gửi ngân hàng	346,920,116,502	54,357,398,370
Tiền đang chuyển	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	32,246,530,500	46,519,530,062
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5,429,593,837	2,384,362,550
	384,749,251,496	103,805,089,379

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chứng khoán thương mại	365,896,839,057	103,388,455,195
- <i>Chứng khoán niêm yết</i>	<i>323,954,543,729</i>	<i>95,284,509,195</i>
- <i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>	<i>41,942,295,328</i>	<i>8,103,946,000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	64,399,000,000	-
- <i>Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	<i>64,399,000,000</i>	<i>-</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(917,649,757)	(16,689,112,346)
	429,378,189,300	86,699,342,849

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2,889,804,718	540,004,182
Trả trước cho người bán	6,603,383,701	1,034,241,700
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1,019,605,833	527,800,000
- <i>Phải thu Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán</i>	1,013,000,000	527,800,000
- <i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	6,605,833	-
- <i>Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán</i>	-	-
- <i>Phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán</i>	-	-
- <i>Phải thu thành viên khác</i>	-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
Phải thu nội bộ	-	-
Phải thu khác	569,248,961,679	405,478,038,030
- <i>Phải thu người lao động</i>	-	-
- <i>Kinh phí công đoàn</i>	-	-
- <i>Bảo hiểm xã hội</i>	-	-
- <i>Bảo hiểm y tế</i>	88,434,770	185,435,120
- <i>Phải thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư khác</i>	12,628,183,108	9,994,503,132
- <i>Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	21,440,774,422	21,593,263,388
- <i>Phải thu tiền gốc các hợp đồng Repo, hợp tác kinh doanh</i>	429,442,013,178	352,031,915,827
- <i>Phải thu khác</i>	105,649,556,201	21,672,920,563
	579,761,755,931	407,580,083,912

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	89,899,627	85,263,511
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	89,899,627	85,263,511

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng
	Máy móc, thiết bị				
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6,371,440,909	2,602,509,400	442,905,455		9,416,855,764
Số tăng trong năm	507,924,753	-	10,780,000		518,704,753
- Mua sắm mới	507,924,753	-	10,780,000		518,704,753
- Tăng khác	-	-	-		-
Số giảm trong năm	-	-	-		-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-		-
- Giảm khác	-	-	-		-
Số dư cuối năm	6,879,365,662	2,602,509,400	453,685,455		9,935,560,517

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2,749,477,596	695,087,947	150,969,048	3,595,534,591
Số tăng trong năm	926,139,927	216,875,788	247,996,279	1,391,011,994
- Trích khấu hao	926,139,927	216,875,788	247,996,279	1,391,011,994
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3,675,617,523	911,963,735	398,965,327	4,986,546,585
Giá trị còn lại				
Đầu năm	3,621,963,313	1,907,421,453	291,936,407	5,821,321,173
Cuối năm	3,203,748,139	1,690,545,665	54,720,128	4,949,013,932

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Phần mềm giao	Cộng
	dịch, kế toán	
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	3,984,746,053	3,984,746,053
Số tăng trong kỳ	1,002,250,518	1,002,250,518
- Mua sắm mới	1,002,250,518	1,002,250,518
- Tăng khác	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ 30/06/2010	4,986,996,571	4,986,996,571
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1,875,209,547	1,875,209,547
Số tăng trong kỳ	762,957,752	762,957,752
- Trích khấu hao	762,957,752	762,957,752
- Tăng khác	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ 30/06/2010	2,638,167,299	2,638,167,299
Giá trị còn lại		
Đầu năm	2,109,536,506	2,109,536,506
Cuối kỳ 30/06/010	2,348,829,272	2,348,829,272

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 30/06/2010	Tài sản cố định và trang thiết bị		Tỷ lệ tài sản cố định và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chi tiêu	Giá trị (VND)	
1,000,000,000,000	Nguyên giá	14,922,557,088	1.49%
	Khấu hao	(7,624,713,884)	
	Giá trị còn lại	7,297,843,204	0.73%

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán dài hạn	66,900,000,000	2,100,000,000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	66,900,000,000	2,100,000,000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(594,000,000)	(594,000,000)
	66,306,000,000	1,506,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,

Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 30/06/2010 là khoản dự phòng giảm giá cho năm tài chính kế thúc ngày 31/12/2009. Đến thời điểm 30/06/2010 Công ty không thực hiện tính toán lại dự phòng cho khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	427,639,849	940,807,663
Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSC	-	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	951,420,791	1,046,497,407
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	843,979,059	1,457,510,701
Chi phí trả trước dài hạn khác	545,629,408	490,896,436
	<u>2,768,669,107</u>	<u>3,935,712,207</u>

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>đến 30/06/2010</u>	<u>đến 30/06/2009</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	86,775,012	82,347,058
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	21,574,819	4,427,954
Số cuối năm	<u>228,349,831</u>	<u>206,775,012</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế GTGT	269,534,239	79,995,256
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	30,200,849,841	17,139,860,582
Thuế TNCN	655,018,050	654,333,098
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	<u>31,125,402,130</u>	<u>17,874,188,936</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Chi phí lãi vay phải trả	2,223,750,000	226,791,667
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	-	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1,509,992,638	764,000,001
Chi phí phải trả khác	-	23,503,000
	<u>3,733,742,638</u>	<u>1,014,294,668</u>

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải trả Sở (Trung tâm) Giao dịch chứng khoán	1,029,383,600	510,412,535
Phải trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán của các thành viên khác	-	-
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	26,213,934
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	-	-
	<u>1,029,383,600</u>	<u>536,626,469</u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	33,268,790	32,306,810
Bảo hiểm xã hội	113,007,700	1,064,000
Bảo hiểm y tế	21,040,110	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

Bảo hiểm thất nghiệp	10,283,100	106,400
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	258,703,269,000	47,444,292,000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	196,997,570	177,537,460
Phải trả Trung tâm Giao dịch chứng khoán	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,885,871,377	1,072,417,098
	<u>261,963,737,647</u>	<u>48,727,723,768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	30/06/2010 VND
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410,629,960,000	589,370,040,000	-	1,000,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	1,800,040,000	106,432,512,000	-	108,232,552,000
Vốn khác của chủ sở hữu	1,122,209,102	4,234,738,878	-	5,356,947,980
Cổ phiếu quỹ (*)	-1,550,000,000	0	0	-1,550,000,000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0	0	0
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	0	0
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0	0
Quỹ dự phòng tài chính	1,122,209,102	4,234,738,878	0	5,356,947,980
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0
Lợi nhuận chưa phân phối	57,610,412,291	65,213,370,111	-55,980,328,826	66,843,453,576
Tổng cộng	470,734,830,495	769,485,399,867	-55,980,328,826	1,184,239,901,536

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,000,000,000,000	410,629,960,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>410,629,960,000</i>	<i>350,000,000,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	<i>589,370,040,000</i>	<i>60,629,960,000</i>
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>1,000,000,000,000</i>	<i>410,629,960,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	45,816,955,520	1,742,250,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước:</i>	<i>45,816,955,520</i>	<i>1,742,250,000</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay:</i>	-	-

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01 - 2010/NQ - ĐHCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2010, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2009 là 18 % (mỗi cổ phần được nhận 1.800 VNĐ). Trong đó 6,8 % đã chi trả tạm ứng trong tháng 09/2009 và 11,2% được chi trả cho cổ đông trong tháng 4/2010.

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,000,000	41,062,996
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,000,000	41,062,996
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100,000,000</i>	<i>41,062,996</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155,000	155,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>155,000</i>	<i>155,000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99,845,000	40,907,996
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>99,845,000</i>	<i>40,907,996</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	128,079,996,027	63,207,917,398
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9,679,680,631	3,784,770,444
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	79,140,398,202	46,144,677,175
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	2,770,454,545	1,200,000,000
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	974,636,364	90,000,000
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	235,731,609	169,561,458
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	1,849,909
- Thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
- Doanh thu khác	35,279,094,676	11,817,058,412
Các khoản giảm trừ doanh thu	(39,381,043)	(91,253,336)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	128,040,614,984	63,116,664,062

19 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1,075,810,741	378,335,896
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	25,028,739,229	3,308,348,714
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	262,500,000	-
Chi phí hoạt động tư vấn	48,992,395	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	92,006,921	26,136,849
Chi phí dự phòng	-15,771,462,589	611,174,255
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	709,328,066	-
Chi phí khác	8,623,239,336	485,625,000
Chi phí trực tiếp chung	9,247,504,513	5,840,663,384
- Chi phí nhân viên	4,078,025,349	1,898,795,253
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	282,196,967	231,362,195
- Chi phí khấu hao TSCĐ	781,523,010	658,279,752
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	4,105,759,187	3,052,226,184
	29,316,658,612	10,650,284,098

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5,275,453,031	3,399,080,257
Chi phí vật liệu quản lý	249,491,581	159,017,966
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	154,898,016	104,761,343
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,372,446,736	939,980,302
Thuế, phí và lệ phí	176,773,000	17,800,000
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,665,115,192	2,342,899,749
Chi phí khác bằng tiền	3,207,309,197	3,316,929,576
	13,101,486,753	10,280,469,193

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85,624,119,902	43,061,638,206
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-3,981,120,742	-1,063,006,595
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức)	-3,981,120,742	-1,063,006,595
Tổng lợi nhuận tính thuế	81,642,999,160	41,998,631,611
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	20,410,749,791	10,499,657,903
Thuế TNDN được giảm	-	-3,149,897,371

22 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	65,213,370,111	35,711,877,674
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	65,213,370,111	35,711,877,674
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	61,421,981	35,769,949
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,062	998

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009, các Báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chính sách kế toán.

Do Quỹ khen thưởng, phúc lợi trước đây được phân ánh trong chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu và từ ngày 01/01/2010 được phân ánh trên chỉ tiêu Nợ ngắn hạn.

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Trình bày trên BCTC năm trước</u> VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ phải trả	300	143,261,765,206	143,037,323,386
Nợ ngắn hạn	310	143,099,810,890	142,875,369,070
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	470,734,830,495	470,959,272,315

Uông Văn Hạnh
Kế toán trưởng

Bùi Thị Minh Tâm
Phó Tổng Giám đốc

Lập, ngày 07 tháng 07 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 1&5, Toà nhà Đào Duy Anh,
Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

25 THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**a). Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

STT	Chỉ tiêu	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	13,351,163,308	69,925,963,950	43,065,501,665	1,699,636,364	-	128,042,265,287
2	Khấu hao và chi phí phân bổ	8,453,538,524	9,919,458,675	8,949,178,651	1,448,560,846	13,647,408,689	42,418,145,385
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	4,897,624,784	60,006,505,275	34,116,323,014	251,075,518	(13,647,408,689)	85,624,119,902
4	Tổng chi phí phát sinh để mua tài sản	162,146,653	-	-	165,847,500	1,192,961,118	1,520,955,271
5	Tài sản bộ phận	38,713,162,352	500,006,099,336	912,266,466,399	2,746,000,000	-	1,453,731,728,087
6	Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	32,943,292,915	32,943,292,915
	Tổng tài sản	-	-	-	-	-	1,486,675,021,002
8	Nợ phải trả bộ phận	259,990,619,983	-	6,717,518,192	595,735,000	-	267,303,873,175
9	Nợ không phân bổ	-	-	-	-	35,132,246,291	35,132,246,291
	Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	302,436,119,466

b). Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

STT	Chỉ tiêu	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	TP Đà Nẵng	Cộng
		VND	VND	VND	VND
1	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ bên ngoài	122,686,585,244	3,786,771,239	1,568,908,804	128,042,265,287
2	Tài sản bộ phận	1,443,841,590,355	30,856,723,732	11,976,706,915	1,486,675,021,002